TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/LĐ-PT
Ngày 17 tháng 4 năm 2024
"V/v *Tranh chấp tiền lương và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Ông Trương Chí Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp tiền lương và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 139/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn***:* Bà *Nicole C*, sinh năm: 1985. Quốc tịch: Canada. Địa chỉ: Số I đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị Thúy Q, bà Nguyễn Thị Thảo N, bà Trần Thị H, ông Lê Q1, ông Phan Đức Huỳnh . Cùng địa chỉ: Số I đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền được Công chứng ngày 30/12/2022. (Bà Q, bà H có mặt; ông Q1, ông H1 vắng mặt).

2. **Bị đơn**: *Công ty cổ phần A*. Địa chỉ: Số A đường T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Địa chỉ chi nhánh Đ: Số D đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

Người đại diện bị đơn tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị Nguyên T, chức danh: Trưởng Phòng vận hành Công ty cổ phần A; địa chỉ: Số D đường N, phường T, quận

H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 10/02/2023 của ông Nguyễn Ngọc K, là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. (Bà T vắng mặt).

3. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nicole C

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung như sau:*

Bà Nicole C chính thức làm việc tại Công ty cổ phần A (Sau đây gọi tắt là "Công ty A") với vị trí Giáo viên Tiếng Anh từ năm 2017 đến tháng 9 năm 2022 và đã ký với Công ty A 03 Hợp đồng lao động. Đối với Hợp đồng năm 2017, Công ty A thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Đến năm 2020, Công ty A bắt đầu vi phạm các hợp đồng lao động đã ký kết với Bà Nicole C, cụ thể: Hợp đồng lao động số G3506/LTD/2019 ngày 27/07/2019 và Phụ lục Hợp đồng lao động số G3506/ALC/2019 ngày 27/07/2019; Hợp đồng lao động số G3506/LTD/2021 ngày 16/7/2021 và Phụ lục Hợp đồng lao động số G3506/ALC/2021 ngày 16/07/2021.

Theo các hợp đồng này, giai đoạn từ ngày 27/7/2019-30/6/2021 mức lương của Bà Nicole C là 47.600.000 đồng/tháng (Gồm các khoản sau: lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội: 4.500.000 đồng; thu nhập khác: 40.100.000 đồng; phụ cấp tiền nhà: 3.000.000 đồng), thời gian làm việc của bà Nicole C là 78 giờ/tháng; Giai đoạn từ ngày 16/7/2021-19/02/2023 mức lương của Bà Nicole C là 47.600.000 đồng/tháng (Gồm các khoản sau: lương cơ bản đóng bảo hiểm xã hội: 4.800.000 đồng; thu nhập khác: 39.800.000 đồng; phụ cấp tiền nhà: 3.000.000 đồng), thời gian làm việc trung bình của Bà Nicole C là 78 giờ/tháng.

Bà Nicole C luôn hoàn thành nghĩa vụ làm việc và giảng dạy theo lịch phân công mà không nghỉ ngày nào kể cả trong thời gian dịch bệnh. Thế nhưng từ tháng 8/2020 đến nay, Công ty đã tự ý trừ lương và không thanh toán lương đúng hạn cho bà N1 Caesar theo hợp đồng lao động đã ký kết. Cụ thể:

Ngày 01/8/2020, Công ty đã đột ngột gửi email thông báo đến các giáo viên với nội dung cắt giảm 30% lương tháng 8/2020 và tháng 9/2020 vì lý do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Ngày 17/9/2021, Công ty tiếp tục gửi email thông báo cắt giảm 25% lương từ ngày 17/9/2021 đến khi có thông báo mới cũng vì lý do dịch bệnh Covid-19; đồng thời chia việc thanh toán lương thành 02 đợt, mỗi đợt 50%. Đối với các khoản chưa thanh toán từ tháng 6,7,8/2021 sẽ thanh toán 10% mỗi tuần cho đến khi Công ty đủ khả năng thanh toán toàn bộ tiền lương còn nợ giáo viên.

Tháng 01/2022 bà Nicole C đã khiếu nại đến các cơ quan quản lý lao động. Tuy nhiên sau khi hòa giải Công ty A đã không thực hiện các nội dung đã cam kết một cách đúng hạn và đúng tiến độ theo biên bản hòa giải.

Do đó, bà Nicole C khởi kiện, yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho bà các khoản sau đây:

1. Trả cho bà các khoản tiền lương do Công ty A tự ý cắt giảm, thanh toán không đúng hạn và còn thiếu của bà Nicole C tính đến tháng 10/2022 tổng cộng là 108.935.656 đồng, cụ thể như sau:

- Tháng 8/2020, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 44.874.400 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 30% là 30.594.400 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 30.594.400 đồng, tiền lương còn nợ là 14.280.000 đồng.

- Tháng 9/2020, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 44.125.673 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 30% là 34.908.582 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 34.908.582 đồng, tiền lương còn nợ là 9.217.091 đồng.

- Tháng 6/2021, số tiền lương các bên tính như nhau là 49.891.000 đồng, Công ty A đã chuyển 37.695.500 đồng, tiền lương còn nợ là 12.195.500 đồng.

- Tháng 7/2021, số tiền lương các bên tính như nhau là 43.073.955 đồng, Công ty A đã chuyển 22.800.000 đồng, tiền lương còn nợ là 20.273.955 đồng.

- Tháng 8/2021, số tiền lương các bên tính như nhau là 31.198.400 đồng, Công ty A đã chuyển 15.000.000 đồng, tiền lương còn nợ là 16.198.400 đồng.

- Tháng 9/2021, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 23.418.527 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 25% là 18.109.004 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 18.109.004 đồng, tiền lương còn nợ là 5.309.523 đồng.

- Tháng 10/2021, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 46.058.400 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 25% là 34.908.400 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 34.908.400 đồng, tiền lương còn nợ là 11.150.000 đồng.

- Tháng 11/2021, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 45.688.400 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 25% là 34.538.400 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 0 đồng, tiền lương còn nợ là 45.688.400 đồng.

- Tháng 12/2021, tiền lương tính theo hợp đồng lao động là 38.071.127 đồng, tiền lương sau khi cắt giảm 25% là 29.371.127 đồng, số tiền Công ty A đã trả là 0 đồng, tiền lương còn nợ là 38.071.127 đồng.

- Tháng 01/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 33.602.109 đồng, Công ty A đã chuyển 5.000.000 đồng, tiền lương còn nợ là 28.602.109 đồng.

- Tháng 02/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 11.444.000 đồng, Công ty A đã chuyển 10.000.000 đồng, tiền lương còn nợ là 1.444.000 đồng.

- Tháng 3/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với số tiền 30.000.000 đồng.

- Tháng 4/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với số tiền 13.000.000 đồng.

- Tháng 5/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với số tiền 3.350.000 đồng.

- Tháng 6/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 18.643.000 đồng, Công ty A đã chuyển 19.010.000 đồng, Công ty chuyển lương dư 367.000 đồng.

- Tháng 7/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 25.565.750 đồng, Công ty A đã chuyển 6.300.000 đồng, tiền lương còn nợ là 19.265.750 đồng.

- Tháng 8/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 33.395.768 đồng, Công ty A đã chuyển 35.000.000 đồng, Công ty chuyển lương dư 1.604.232 đồng.

- Tháng 9/2022, số tiền lương các bên tính như nhau là 14.114.975 đồng, Công ty A đã chuyển 45.553.942 đồng, Công ty chuyển lương dư 31.438.967 đồng.

- Tháng 10/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

- Tháng 11/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với tổng số tiền 18.000.000 đồng.

- Ngày 25/10/2021, Công ty cổ phần A đã ban hành Thông báo số 41/2021/TB-TGĐ về lãi suất áp dụng đối với khoản lương chậm trả của giáo viên nước ngoài trong giai đoạn dịch Covid19. Theo đó, Công ty áp dụng mức lãi suất 0,35%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán lương tạm tính đến tháng 08/2023 là 12.432.312 đồng.

2. Ngoài ra, Công ty A còn phải bồi thường cho bà N1 các khoản thiệt hại do việc chậm thanh toán lương tổng cộng là: 37.965.750 đồng, cụ thể:

Do bà Nicole C là người nước ngoài không hiểu biết pháp luật Việt Nam và các thủ tục khởi kiện ở Việt Nam, thêm vào bà Nicole C không biết tiếng Việt, nên bà Nicole C phải thuê các đơn vị dịch thuật, Công ty Luật để giúp bà N1 Caesar khiếu nại, khởi kiện tại các cơ quan có thẩm quyền. Từ lúc Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán lương cho Bà Nicole C, Bà Nicole C đã phải bỏ ra các khoản phí sau:

- Phí thuê luật sư hỗ trợ pháp lý soạn thảo đơn từ để gửi đến Sở L, Sở giáo dục: 6.965.750 đồng;

- Phí thuê luật sư hỗ trợ tại buổi họp hoà giải tại Phòng LĐTBXH quận C, thành phố Hà Nội: 1.500.000 đồng;

- Phí thuê luật sư khởi kiện Công ty cổ phần A tại Toà án có thẩm quyền: 27.000.000 đồng;

- Phí dịch thuật, công chứng tài liệu: 2.500.000 đồng.

** Trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bị đơn thống nhất với các nội dung hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nicole C và Công ty cổ phần A cũng như kết quả thu thập chứng cứ từ Ngân hàng TMCP Đ1 về quá trình chi trả lương thực tế của Công ty cổ phần A cho bà Nicole C. Tuy

nhiên, giai đoạn tháng 8/2020, 9/2020, 9/2021, 10/2021, 11/2021 và 12/2021, Công ty có ban hành việc tính lương 70% (tháng 8/2020, 9/2020) và 75% (9/2021, 10/2021, 11/2021 và 12/2021) do giai đoạn dịch bệnh, Giáo viên không đến trung tâm để làm việc mà chỉ làm việc tại nhà. Thời gian làm việc của mỗi buổi dạy rút ngắn hơn so với khi làm việc tại trung tâm. Các nhiệm vụ khác tại trung tâm giáo viên không thực hiện. Thêm nữa, việc này cũng được thông báo trước để bà N1 Caesar biết, nhưng bà Nicole C vẫn tiếp tục đi làm, tiếp tục thực hiện hợp đồng. Hàng tháng, Công ty đều gửi bảng lương cho bà Nicole C, do đó bà hoàn toàn biết rõ việc giảm lương nhưng không phản đối. Sau này, khi Công ty chậm thanh toán lương thì bà mới kiện Công ty và đem chuyện này ra để phản đối.

Do đó, bị đơn yêu cầu Tòa không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với phần lương chênh lệch giữa cách tính của bà Nicole C và Công ty; Các khoản nợ lương còn lại Công ty đồng ý trả, kèm theo lãi phát sinh 0,35%/tháng; đối với số tiền bồi thường do các chi phí dịch vụ pháp lý là 37.965.750 đồng nguyên đơn yêu cầu, Bị đơn không đồng ý.

Với nội dung trên, tại Bản án số 02/2023/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C đối với Công ty cổ phần A.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần A phải trả cho bà N1 Caesar tổng số tiền 50.173.826 đồng (Năm mươi triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: Tiền nợ lương là 44.129.042 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán lương tính đến tháng 9 năm 2023 là 6.044.784 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C đối với số tiền lương còn lại là 64.806.614 đồng và số tiền lãi là 6.387.528 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C về bồi thường các chi phí thuê luật sư hỗ trợ pháp lý soạn thảo đơn từ để gửi đến sở L, Sở G thuê luật sư hỗ trợ tại buổi họp hoà giải tại P quận C, thành phố Hà Nội, P thuê luật sư khởi kiện Công ty cổ phần A tại Toà án có thẩm quyền; Phí dịch thuật, công chứng tài liệu với số tiền 37.965.750 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần A phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.505.215 đồng (Một triệu năm trăm lẻ năm ngàn hai trăm mười lăm đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 13/10/2023, đại diện nguyên đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Bản án sơ thẩm đã có sai lầm trong áp dụng quy định của pháp luật dẫn đến chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo các bên không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm và do phía bị đơn vắng mặt tại phiên toà nên không thể thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc chấp hành pháp luật và nội dung giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Do kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng của nguyên đơn đơn giữ nguyên Bản án số 02/2023/LĐ-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đến tham dự phiên tòa nhưng đến ngày xét xử bị đơn Công ty cổ phần A vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy, hồ sơ đã thu thập đầy đủ chứng cứ, các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến thủ tục tống đạt đã hợp lệ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Bà Nicole C là giáo viên dạy tiếng Anh tại Công ty cổ phần A, thực hiện công việc giảng dạy các bên có cùng nhau ký kết Hợp đồng lao động. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nên ngày 01/8/2020,

Công ty cổ phần A đã gửi email thông báo đến các giáo viên với nội dung cắt giảm 30% lương tháng 8/2020 và tháng 9/2020. Tiếp đến ngày 17/9/2021, Công ty tiếp tục gửi email thông báo cắt giảm 25% lương từ ngày 17/9/2021 đến khi có thông báo mới vì lý do dịch bệnh Covid-19; đồng thời chia việc thanh toán lương thành 02 đợt, mỗi đợt 50%; đối với các khoản chưa thanh toán từ tháng 6,7,8/2021 sẽ thanh toán 10% mỗi tuần cho đến khi Công ty đủ khả năng thanh toán toàn bộ tiền lương còn nợ giáo viên. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nicole C đã được Công ty cổ phần A thông báo về việc cắt giảm lương do dịch Covid-19, nhận được các Phiếu lương mỗi tháng nhưng vẫn tiếp tục đi làm nhiều tháng sau đó và không có chứng cứ về việc phản đối các phương án chi trả lương của Công ty. Mặc khác, vì điều kiện phải cách ly xã hội do dịch Covid-19, các bên không thể cùng tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng hoặc giao kết hợp đồng lao động mới nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định các bên có ý chí tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động với mức thỏa thuận lương mới phù hợp với Điều 33 của Bộ luật lao động nên việc bà Nicole C không chấp nhận việc cắt giảm lương do dịch Covid-19 của Công ty cổ phần A là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Mặc khác, ngày 08/9/2022 tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận C, thành phố Hà Nội, bà Nicole C và Đại diện Công ty cổ phần A đã thống nhất xác định số tiền Công ty đang nợ bà Nicole C tính đến ngày 09/9/2022 là 118.513.140 đồng bao gồm tiền nợ lương và tiền lãi chậm thanh toán và Công ty cam kết trả cho bà Nicole C theo kế hoạch sau: Tháng 9/2022 sẽ trả lương của tháng 8 và 30% của phần nợ lương, từ tháng 10-12/2022 sẽ trả hết số nợ cho người lao động chia đều mỗi tháng 20-25%. Thực hiện cam kết tại buổi làm việc ngày 08/9/2022, theo trình bày của bà Nicole C: Tháng 8/2022, Công ty A chuyển dư lương cho bà 1.604.232 đồng, tháng 9/2022, Công ty A đã chuyển cho bà 45.553.942 đồng, chuyển lương dư 31.438.967 đồng; tiếp đến tháng 10/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với tổng số tiền 20.000.000 đồng và tháng 11/2022, bà Nicole C không đi làm nhưng Công ty vẫn chuyển trả nợ lương cho các tháng trước với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm có cơ sở buộc Công ty cổ phần A phải tiếp tục trả cho bà N1 Caesar tổng số tiền 50.173.826 đồng, trong đó: Tiền nợ lương là 44.129.042 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán lương với mức lãi suất theo thông báo của Công ty A là 0,35%/tháng tính đến tháng 9 năm 2023 là 6.044.784 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà Nicole C về việc buộc Công ty cổ phần A phải bồi thường cho bà các chi phí thuê luật sư, soạn thảo đơn để khởi kiện Công ty cổ phần A tổng cộng là: 37.965.750 đồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Việc khởi kiện tại Toà án không bắt buộc phải thuê luật sư, các chi phí nêu trên không phải là thiệt hại được xác định theo quy định tại các Điều 589, 590, 591, 592

của Bộ luật dân sự nên Toà án cấp sơ thẩm không có chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền bồi thường 37.965.750 đồng là có cơ sở.

[3] Nhận thấy, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nicole C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Nicole C phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nicole C là người lao động khởi kiện đòi tiền lương và giải quyết các vấn đề bồi thường thiệt hại nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 và Điều 28, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 2 Điều 33, 94, 95, 96, 97 Bộ luật lao động;
- Điều 584, 589, 590, 591, 592 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nicole C.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2023/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C đối với Công ty cổ phần A.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần A phải trả cho bà Nicole C tổng số tiền: 50.173.826 đồng (Năm mươi triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: T1 nợ lương là 44.129.042 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán lương tính đến tháng 9 năm 2023 là 6.044.784 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C đối với số tiền lương còn lại là 64.806.614 đồng và số tiền lãi là 6.387.528 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nicole C về yêu cầu Công ty cổ phần A bồi thường số tiền 37.965.750 đồng để chi trả chi phí thuê luật sư hỗ trợ pháp lý, soạn thảo đơn từ để gửi đến sở L, Sở G thuê luật sư hỗ trợ tại buổi họp hoà giải tại P quận C, thành phố Hà Nội; Phí thuê luật sư khởi kiện Công ty cổ phần A tại Toà án có thẩm quyền; Phí dịch thuật, công chứng tài liệu.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần A phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: 1.505.215 đồng (Một triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, hai trăm mười lăm đồng).

III. Án phí lao động phúc thẩm là: 300.000 đồng nguyên đơn bà Nicole C phải chịu. Tuy nhiên, bà Nicole C là người lao động khởi kiện đòi tiền lương và giải quyết các vấn đề bồi thường thiệt hại nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

V. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự
- VKSND TP Đà Nẵng
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo